

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2019/HNGĐ- PT

Ngày : 19/11 /2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng L

Bà Trần Thị Lê N

Thư ký phiên tòa: Bà Chủ Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Bà Nguyễn Mai T - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 133/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25/9/2019 về “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2019/QĐ-PT ngày 10/10/2019, giữa :

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1963

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Tầng A, số 88 ngõ 15 phố B, tổ 3, phường H , quận H, thành phố H.

* Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim A, sinh năm 1972

ĐKHKT: Tầng A, số 88 ngõ 15 phố B, tổ 3, phường H , quận H, thành phố H.

Chỗ ở hiện nay: Số 22 hẻm 89/19/38 Tầng A, phường H , quận H, thành phố H.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy Ban nhân dân quận H, thành phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H - Chủ tịch UBND quận H, thành phố H.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn L, xã N, huyện T, thành phố H.

3. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1980

ĐKHKT: Nghi K, xã A, huyện T, tỉnh B

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, cụm dân cư Bằng A, phường H, quận H, thành phố H.

(Ô T, bà A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T và bị đơn bà Ngô Thị Kim A trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

* Ông Nguyễn Xuân T trình bày: Ông và bà Ngô Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/12/1990 tại UBND xã H, huyện Thanh Trì (nay là phường H, quận H), Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ ông tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố Bằng Liệt), H, quận H, H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà A sống thiếu trách nhiệm với gia đình, chưa làm tròn bổn phận của người vợ trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2011 vợ chồng ông sống ly thân, trong thời gian sống ly thân bà A có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng, không thể hàn gắn được. Hai bên gia đình đã hòa giải giúp ông bà hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Mâu thuẫn giữa ông và bà A đã trầm trọng kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn đối với bà Ngô Thị Kim A.

* Bà Ngô Thị Kim A trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Xuân T về đăng ký kết hôn và thời gian chung sống. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhà với bố mẹ ô T tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố B), phường H, quận H, H. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ô T thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến vợ và gia đình dẫn đến cuộc sống chung rất tẻ nhạt. Từ năm 2011, bà và ô T

sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân do tâm trạng buồn chán nên bà có quan hệ tình cảm với người khác và đã bị ô T biết được. Sau sự việc này đã đẩy quan hệ vợ chồng vào tình trạng ngày càng rạn nứt, không thể cứu vãn được. Mặc dù hai bên gia đình đã tổ chức hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ô T có đơn xin ly hôn đối với bà, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Ô T và bà A thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Xuân H sinh ngày 22/11/2000, các con chung đều đã trưởng thành, việc ở với ai do các con tự quyết định, ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung (Động sản + Bất động sản):

* Ông Nguyễn Xuân T trình bày:

- Về tài sản chung là động sản: Quá trình giải quyết vụ án, ông và bà A đã thỏa thuận phân chia tài sản chung là động sản, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung là bất động sản: Nhà đất tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố Bằng Liệt), phường H, quận H, H có nguồn gốc như sau:

+ Về quyền sử dụng đất: Nguồn gốc là đất của bố mẹ ông là cụ Nguyễn Xuân H và cụ Nguyễn Thị S. Ngày 07/9/2009, tại Văn phòng công chứng H số 1253 đường G, H bố mẹ ông đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tặng cho riêng ông diện tích đất là 175,2m². Ngày 19/5/2010 ông đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 ngày cấp 19/5/2010 đứng tên ông. Đến năm 2012, ông đã chuyển nhượng diện tích 5,2m² đất cho ông Ngô Văn Q (em trai bà A). Diện tích đất còn lại ông đang quản lý sử dụng là 170,0m². Đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia cho bà A.

+ Về tài sản trên đất: Sau khi kết hôn vợ chồng về ở chung với bố mẹ ông tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố B), H, quận H, H, khoảng hai năm. Thời điểm chung sống cùng bố mẹ có vợ chồng ông và vợ chồng em trai. Đến năm 1993, vợ chồng ông thuê cửa hàng buôn bán và để ở, thỉnh thoảng mới về sinh hoạt cùng bố mẹ. Năm 1998, được sự đồng ý của bố mẹ cho vợ chồng được xây dựng 60m² nhà trên diện tích đất của các cụ, việc cho xây dựng nhà không có giấy tờ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên mẹ ông. Năm 1998, vợ chồng xây dựng 60m² đất x 2,5 tầng với số tiền 180.000.000đồng. Năm 2005, bố mẹ ông lại đồng ý cho vợ chồng sử dụng diện tích đất khoảng 30m² liền kề với ngôi nhà 60m². Vợ chồng đã xây dựng 01 cửa hàng diện tích 30m² xây tường gạch, lợp tôn, cửa kéo sắt, trần thạch cao. Cùng thời điểm này vợ chồng có xây thêm 01 phòng trên tầng 3 lợp mái tôn và làm khung sắt mái tôn diện tích đất sân 80m² hết khoảng 50.000.00 đến 60.000.00 đồng, trong đó có tiền của bố mẹ bà A cho vợ chồng. Đến giữa năm

2014, ông có làm chung phòng Games với ông Trần Văn H. Ông và ông H đã sửa diện tích sân 80m² làm phòng Games, tổng tiền đầu tư xây dựng và trang thiết bị, máy tính là 180.000.000 đồng. Sau đó phòng Games làm không có hiệu quả nên đã chuyển về nhà ông H làm. Tháng 11/2016 ông sửa chữa lại nhà, đập bức tường liền kề với cửa hàng để mở rộng cửa hàng, phần sửa chữa bao gồm: Tôn nền diện tích cửa hàng 30m² và phòng khách trong nhà 19m², lát lại gạch, sơn bả, làm lại cửa kính cường lực. Chi phí sửa chữa khoảng 50.000.000 đồng. Toàn bộ tiền xây dựng và sửa chữa nhà là tiền chung của vợ chồng. Sửa chữa nhà xong ông đã ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn X thuê cửa hàng cho đến nay.

Ông xác nhận tài sản trên đất là tài sản chung vợ chồng. Ông nhất trí với biên bản định giá lại ngày 30/10/2018 và đồng ý chia 1/2 giá trị nhà và các công trình xây dựng khác trên đất cho bà A bằng giá trị tiền. Ông không đồng ý chia bằng hiện vật là nhà đất cho bà A .

* Bà Ngô Thị Kim A trình bày:

- Về tài sản là động sản: Bà xác nhận tại các biên bản hòa giải, bà và ô T đã thỏa thuận thanh toán xong, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản là bất động sản.

- Về tài sản chung là bất động sản: Nhà đất tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố B), phường H , quận H, Hà Nội như sau:

+ Về quyền sử dụng đất: Đất vợ chồng đang ở có nguồn gốc là đất của bố mẹ ô T là cụ Nguyễn Xuân H và cụ Nguyễn Thị S. Năm 1998, bố mẹ ô T cho vợ chồng được xây dựng 60m² nhà trên diện tích đất của các cụ, việc cho xây dựng nhà không có giấy tờ. Đến năm 2005, bố mẹ ô T kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND quận H đã kê khai cả diện tích 60m² đất mà vợ chồng xây dựng nhà trên đất. Đến năm 2009, bố mẹ ô T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ô T diện tích đất là 175,2m²; phần còn lại tặng cho em trai ô T. Sau khi được bố mẹ tặng cho đất, ô T đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ô T và đã được UBND quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228 ngày cấp 19/5/2010. Đến năm 2012, ô T đã chuyển nhượng diện tích 5,2m² đất cho ông Ngô Văn Q (em trai bà). Diện tích đất còn lại vợ chồng đang sử dụng là 170,0m².

+ Về tài sản trên đất: Bà Ngô Thị Kim A công nhận lời trình bày của ông Nguyễn Xuân T tại Tòa án về phần xây dựng và sửa chữa ngôi nhà vợ chồng đang quản lý sử dụng trong các năm từ 1998 đến 2016. Trong đó có cả phần xây dựng và sửa chữa khi làm chung phòng Games với ông Trần Văn H (trú tại Thôn, xã N, huyện T, H) và phần sửa chữa làm thêm trước và sau khi ông Nguyễn Văn X (trú tại N, xã A, huyện T, tỉnh B) thuê cửa hàng. Bà không có bổ sung hay có ý kiến gì khác về phần tài sản trên đất.

Bà không đồng ý với ý kiến của ô T, bà xác nhận toàn bộ diện tích đất 170,0m² được bố mẹ cho và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng. Bà yêu cầu Tòa án chia quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà.

Bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228 ngày cấp 19/5/2010 đứng tên ông Nguyễn Xuân T. Bà xác nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu này.

4. Về các khoản nợ chung:

* Ông Nguyễn Xuân T trình bày: Năm 2014, ông và bà A có vay của mẹ ông là cụ Nguyễn Thị S số tiền 150.000.000 đồng để xin việc cho con Nguyễn Thị Kim P. Quá trình giải quyết vụ án cụ H, cụ S có đơn xác nhận cho vợ chồng khoản tiền này, ông xác nhận vợ chồng không có khoản nợ nào khác.

* Bà Ngô Thị Kim A trình bày: Bà xác nhận bà và ô T không có khoản nợ nào khác.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn H trình bày: Ông và ô T là bạn làm ăn với nhau trong lĩnh vực điện tử máy tính cũ. Ngày 15/10/2014, ông và ô T có ký hợp đồng hợp tác đầu tư góp vốn làm phòng Game tại nhà ô T ở Bằng A, phường H, H, H. Hình thức kinh doanh lời, lỗ thỏa thuận. Trước khi đưa máy về ông và ô T cùng cải tạo, sửa chữa diện tích sân nhà thành phòng Game, chi phí là 20.000.000 đồng. Trang bị cho phòng Game gồm 34 máy tính màn hình 20inch; 34 ghế Xuân Hòa; 34 bàn khung sắt, gỗ, mặt kính; cửa gỗ; 03 điều hòa; 03 quạt trần. Chi phí đầu tư trang thiết bị là 160.000.000 đồng. Tổng đầu tư là 180.000.000 đồng. Phòng Game hoạt động sau 02 đến 03 năm lượng khách giảm và do vợ chồng ô T mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến kinh doanh nên đã chuyển phòng Game xuống kinh doanh tại nhà ông. Làm được một thời gian không có hiệu quả luôn phải bù lỗ nên ông và ô T thanh lý hợp đồng vào ngày 22/09/2017 và chia tài sản của phòng Game. Ông nhận về 17 bộ máy tính và 02 bộ điều hòa. Ô T nhận về 17 bộ máy tính, 03 quạt trần và 01 điều hòa. Phần đầu tư xây dựng, bàn ghế tính khấu hao hết. Nay vợ chồng ô T giải quyết ly hôn, phần liên quan đến tài sản phòng Game đã giải quyết xong, ông không có yêu cầu gì về tài sản đối với ô T, bà A.

- Ông Nguyễn Văn X trình bày: Ông được biết ô T cho thuê cửa hàng tại Bằng A số 88, ngõ 15 phố B, phường H, H, H. Sau khi trao đổi, ô T đồng ý cho ông thuê cửa hàng để kinh doanh hàng tạp hóa. Ngày 30/10/2016 ông và ô T có ký Hợp đồng cho thuê cửa hàng. Giá thuê 8.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 05 năm tính từ ngày 01/11/2016. Sau khi ký hợp đồng ông có đầu tư làm 01 gác xép khung sắt, sàn gỗ công nghiệp, diện tích 20m² để chứa hàng. Chi phí làm 20.000.000 đồng. Do nhu cầu kinh doanh cần mặt bằng, thấy ô T còn cửa hàng liền kề diện tích đã thuê nên ông đặt vấn đề thuê thêm diện tích này và ô T đồng ý.

Ngày 30/02/2017 ông và ô T ký Hợp đồng cho thuê cửa hàng. Giá thuê là 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 05 năm tính từ ngày 01/03/2017. Sau một năm kinh doanh ông có đầu tư làm thêm 01 gác xếp khung sắt, sàn gỗ công nghiệp và vách nhôm kính để chống ngập nước vào hàng hóa, ô T đồng ý. Chi phí làm 50.000.000 đồng. Để phục vụ việc kinh doanh ông có mua giá sắt, bán ghế, tủ bảo quản, máy tính tiền. Chi phí là 120.000.000 đồng.

Nay ô T, bà A giải quyết ly hôn, phần tài sản liên quan đến thuê cửa hàng ông có ý kiến: Do hợp đồng thuê cửa hàng là 05 năm đến ngày 01/3/2022 mới hết thời hạn thuê. Trường hợp Tòa án giải quyết về nhà đất thuộc quyền của ai ông sẽ thỏa thuận để tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc hợp đồng. Nếu không thỏa thuận được phần đầu tư 02 gác xếp khung sắt, sàn gỗ công nghiệp ông sẽ tự tháo dỡ và không yêu cầu bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Phần tài sản ông đầu tư phục vụ kinh doanh trị giá 120.000.000 đồng ông sẽ tự chuyển đi. Đối với hợp đồng thuê cửa hàng giữa ông và ô T sẽ thỏa thuận theo nội dung của hợp đồng hoặc giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- UBND quận H do ông Nguyễn Đức T là đại diện theo ủy quyền: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ô T được sang tên là hệ quả từ giao dịch dân sự được xác lập thông qua Hợp đồng tặng cho số 3741 lập tại Văn phòng công chứng H giữa các bên thể hiện ý trí cho và nhận tài sản theo pháp luật dân sự. Sau khi hoàn tất giao dịch thì các bên đăng ký biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục pháp luật.

* Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H đã quyết định như sau :

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A.

2. Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Xuân H sinh ngày 22/11/2000 đều đã trưởng thành nên không xét.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia quyền sử dụng đất 170,0m² thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bảng A (số 88 ngõ 15 phố B), phường H , quận H, H của bà Ngô Thị Kim A đối với ông Nguyễn Xuân T.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 010228, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010 đứng tên ông Nguyễn Xuân T của bà Ngô Thị Kim A.

5. Về tài sản chung:

5.1. Đối với tài sản chung là động sản: Ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

5.2. Đối với tài sản là bất động sản:

- Xác định diện tích 170,0m², thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bằng A, phường H, quận H, H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228, số vào sổ CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010) là tài sản riêng của ông Nguyễn Xuân T.

- Xác định một nhà 03 tầng và 01 nhà một tầng liền kề trên diện tích đất 170,0m² thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bằng A, phường H, quận H, H là tài sản chung của ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A có giá trị xây dựng là 623.463.100 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu ba nghìn một trăm đồng).

Chia cho ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản là 311.731.550 đồng (Ba trăm mười một triệu, bảy trăm ba một nghìn, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Chia hiện vật như sau: Chia ông Nguyễn Xuân T được toàn quyền sở hữu sử dụng một nhà 03 tầng và một nhà 01 tầng liền kề có tổng giá trị xây dựng là 623.463.100 đồng (Sáu trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu ba nghìn một trăm đồng) xây dựng trên diện tích đất 170,0m² thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bằng A, phường H, quận H, H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB010228, số vào sổ CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010) và phải chịu trách nhiệm thanh toán số tiền chia tài sản chung cho bà Ngô Thị Kim A là 311.731.550 đồng (Ba trăm mười một triệu, bảy trăm ba một nghìn, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Xuân T hỗ trợ thêm cho bà Ngô Thị Kim A số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để tạo dựng chỗ ở mới.

Bà A được ông T thanh toán 311.731.550 đồng (Ba trăm mười một triệu, bảy trăm ba một nghìn, năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chia tài sản chung và 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền hỗ trợ tạo dựng nơi ở khác.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Về các khoản nợ chung, nợ riêng: Ông Nguyễn Xuân T, bà Ngô Thị Kim A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2019, bà Ngô Thị Kim A kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H xem xét giải quyết cấp bách nhà ở cho bà tại địa chỉ số 88 ngõ 15 phố B, tổ 3 phường H, quận H, thành phố H để mẹ con bà có chỗ ở và ổn định cuộc sống.

* Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bà Ngô Thị Kim A vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung vợ chồng là nhà và đất tại địa chỉ số 88 ngõ 15 phố B, tổ 3 phường H, quận H, thành phố H.

Ông Nguyễn Xuân T không rút đơn xin ly hôn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nếu bà A vẫn yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất do bố mẹ ông cho riêng ông thì ông không đồng ý hỗ trợ cho bà A 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) như ở cấp sơ thẩm ông đã đưa ra mà chỉ hỗ trợ cho bà A 01 năm tiền thuê nhà là 36.000.000 đồng.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các lời khai, tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cần cho bà A được phép lưu cư tại nhà, đất trên để đảm bảo chỗ ở cho bà A và sửa lại án phí. Các nội dung khác giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị Kim A đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung trong hôn nhân gồm nhà và đất tại địa chỉ số 88 ngõ 15 phố B, tổ 3 phường H, quận H, thành phố H.

Xét thấy,

Ông Nguyễn Xuân T, bà Ngô Thị Kim A kết hôn chung sống từ tháng 12/1990 và ở chung với bố mẹ chồng là ông Hải, bà Sâm tại Bằng A (số 88 ngõ 15 phố Bằng Liệt), H , quận H, H, thời điểm khoảng hai năm. Thời điểm chung sống cùng bố mẹ có vợ chồng ông và vợ chồng em trai. Nhà, đất trên sổ đỏ đứng tên bà S năm 1989, xác minh nguồn gốc cũng đứng tên bà Sâm.

Đến tháng 6/1991 vợ chồng sinh cháu Nguyễn Thị Kim P. Năm 1998 được sự đồng ý của bố mẹ chồng cho vợ chồng xây dựng 60m² đất x 2,5 tầng với số tiền 180.000.000đồng để ở riêng. Đến tháng 11/2000 vợ chồng sinh cháu Nguyễn Xuân H.

Năm 2005 bố mẹ chồng lại đồng ý cho vợ chồng sử dụng diện tích đất khoảng 30m² liền kề với ngôi nhà 60m². Vợ chồng đã xây dựng 01 cửa hàng diện tích 30m² xây tường gạch, lợp tôn, cửa kéo sắt, trần thạch cao. Cùng thời điểm này vợ chồng có xây thêm 01 phòng trên tầng 3 lợp mái tôn và làm khung sắt mái tôn diện tích đất sân 80m² hết khoảng 50.000.000 đồng đến 60.000.00 đồng.

Cuối năm 2009, bố mẹ chồng bán một phần diện tích đất lấy tiền làm nhà ở riêng và làm hợp đồng tặng cho hai con là Nguyễn Xuân T và Nguyễn Xuân L nhà, đất khác riêng biệt, hợp đồng tặng cho có công chứng. Trong đó Nguyễn Xuân T được tặng cho 175,2m² và Nguyễn Xuân L được tặng cho 186m².

Đến năm 2012, ô T bà A đã chuyển nhượng diện tích 5,2m² đất cho ông Ngô Văn Q (em trai bà A) có sự nhất trí của cả hai vợ chồng.

Đến giữa năm 2014, ô T có làm chung phòng Games với ông Trần Văn H. Ô T và ông H đã sửa diện tích sân 80m² làm phòng Games, tổng tiền đầu tư xây dựng và trang thiết bị, máy tính là 180.000.000 đồng. Sau đó phòng Games làm không có hiệu quả nên đã chuyển về nhà ông H làm.

Tháng 11/2016 ô T sửa chữa lại nhà, đập bức tường liền kề với cửa hàng để mở rộng cửa hàng, phần sửa chữa bao gồm: Tôn nền diện tích cửa hàng 30m² và phòng khách trong nhà 19m², lát lại gạch, sơn bả, làm lại cửa kính cường lực. Chi phí sửa chữa khoảng 50.000.000 đồng. Toàn bộ tiền xây dựng và sửa chữa nhà là tiền chung của vợ chồng. Sửa chữa nhà xong ông đã ký hợp đồng cho ông Nguyễn Văn X thuê cửa hàng cho đến nay.

Như vậy từ năm 1992, vợ chồng ô T, bà A ở nhà, đất riêng biệt trên kiến trúc do vợ chồng bỏ tiền và công sức ra làm trên tổng diện tích là 175,2m².

Theo ông H, bà S thì ông bà tặng cho con trai và nếu con dâu, con trai hạnh phúc thì hai con cùng hưởng.

Theo bà A , do bà là con dâu và xác định tài sản là chung của vợ của chồng nên bà không có ý kiến gì về việc nhà, đất đứng tên ô T.

Như vậy, tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất thì ô T, bà A đã chung sống được gần 20 năm, có hai con chung và đã làm nhà 03 tầng, nhà 01 tầng bằng tiền chung của vợ chồng trên phần đất được cho riêng biệt, đã thực hiện việc kinh doanh, cho thuê có tính chất hoàn toàn độc lập, kinh tế riêng biệt với bố mẹ chồng và vợ chồng người em chồng.

Xét về mặt ý chí của các bên liên quan đều nhận thức đây là tài sản dành cho vợ chồng ô T, bà A. Xét về mặt công sức thì bà A đóng góp công sức từ năm 1990 cho đến nay để tạo dựng và làm tăng giá trị của khối tài sản là nhà, đất trên. Căn cứ vào quá trình hình thành tài sản, căn cứ ý chí của các bên liên quan, căn cứ vào công sức của bà A để tạo dựng và làm tăng giá trị của khối tài sản trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định nhà, đất trên là tài sản chung vợ chồng, trong đó ô T có quyền lợi nhiều hơn so với bà A.

Căn cứ vào nhu cầu chỗ ở của bà A và cháu Hoàn. Hiện bà A cùng cháu Nguyễn Xuân H (sinh năm 2000, mặc dù đã trưởng thành) đang ở nhờ gia đình bên ngoại, không có chỗ ở nào khác.

Xét thấy, nguyện vọng của bà A có được diện tích ở tại diện tích nhà, đất trên để nuôi cháu Hoàn là chính đáng.

Với các lý do trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà A về nội dung này và chia cho bà A được sở hữu, sử dụng diện tích có kích thước $4,36\text{m} \times 11,5\text{m} = 50,14\text{m}^2$ nhà 01 tầng (phía trái đứng từ cửa nhìn vào) trên 170m^2 đất. Phần diện tích còn lại $119,86\text{m}^2$ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Xuân T.

* Theo kết quả định giá ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản tại cấp sơ thẩm như sau:

- Tổng giá trị xây dựng là 641.596.100 đồng;
- Giá trị sử dụng đất: $170\text{m}^2 \times 85.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 14.450.000.000 \text{ đồng}$;
- Tổng giá trị: 15.091.596.100 đồng.

* Phần chia cho bà A :

- Giá xây dựng: $50,14\text{m}^2 \times 1.258.519 \text{ đồng} \times 40\% = 25.240.856 \text{ đồng}$
- Giá trị sử dụng đất: $50,14\text{m}^2 \times 85.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 4.261.900.000 \text{ đồng}$
- Tổng giá trị nhà, đất chia cho bà A là: $4.261.900.000 \text{ đồng} + 25.240.856 \text{ đồng} = 4.287.140.856 \text{ đồng}$

* Phần giá trị nhà, đất chia cho ô T là $15.091.596.100 \text{ đồng} - 4.287.140.856 \text{ đồng} = 11.804.455.244 \text{ đồng}$.

Về các nội dung khác không có kháng cáo nên được giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

Các bên có trách nhiệm xây bức tường ngăn tại diện tích được chia và đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sang tên trước bạ theo quyết định của bản án.

* Về án phí: Ô T phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia.

Do sửa án sơ thẩm các bên không phải chịu án phí Ly hôn phúc thẩm.

Từ những nhận định trên,

Căn cứ Điều 56; khoản 2 Điều 33; Điều 59 và Điều 61, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 8, 9 Điều 27; khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009, điểm b khoản 2 Mục I danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

QUYẾT ĐỊNH

Xử: Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 54/2019/HNGĐ-ST ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H và quyết định cụ thể như sau:

1. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A.

2. Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 19/6/1991 và Nguyễn Xuân H sinh ngày 22/11/2000 đều đã trưởng thành, việc ở với ai do họ tự quyết định.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đối với tài sản chung là động sản: Ông Nguyễn Xuân T và bà Ngô Thị Kim A đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

3.2. Đối với tài sản là bất động sản:

- Xác định diện tích 170,0m², thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bàng A, phường H, quận H, Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 010228,

số vào sổ CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010) đứng tên ông Nguyễn Xuân T thuộc tài sản chung vợ chồng.

* Việc phân chia cụ thể như sau:

- Bà Ngô Thị Kim A được quyền sở hữu, sử dụng diện tích 4,36m x 11,5m = 50,14m² đất phía ngoài, nhà 01 tầng (Đứng từ cửa nhìn vào) cùng giá trị nguyên vật liệu tương ứng thuộc diện tích đất được chia, tại thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bảng A, phường H, quận H, H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228, số vào sổ CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 1. Có tổng trị giá 4.287.140.856 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn, tám trăm năm sáu đồng).

- Ông Nguyễn Xuân T được toàn quyền sở hữu sử dụng một nhà 03 tầng và các kiến trúc khác trên diện tích đất còn lại 119,86m² thuộc thửa đất số 8-2, tờ bản đồ số 36 tại Bảng A, phường H, quận H, H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 010228, số vào sổ CQ/00057/HĐ3742/1532/Q3/09 do UBND quận H cấp ngày 19/5/2010), được giới hạn bởi các điểm 4, 3, 2, 5, 6, 7, 8, 4. Có tổng trị giá 11.804.455.244 đồng (Mười một tỷ, tám trăm linh tư triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, hai trăm bốn mươi đồng).

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

- Ông Nguyễn Xuân T, bà Ngô Thị Kim A được quyền xây bức tường ngăn giữa các phần diện tích nhà, đất được chia. Vị trí bức tường nằm trên phần đất được chia.

- Các bên ông Nguyễn Xuân T, bà Ngô Thị Kim A có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sang tên quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quyết định của bản án.

* Về nợ chung: Ông Nguyễn Xuân T, bà Ngô Thị Kim A thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xem xét.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Biên lai số 09706 ngày 24/10/2016 của Chi cục Thi hành án quận H và 119.804.455 đồng án phí chia tài sản chung vợ chồng. Ông Nguyễn Xuân T còn phải nộp 119.804.455 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm linh tư nghìn, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị Kim A phải chịu 112.287.140 đồng án phí chia tài sản chung và được trừ vào 56.703.000 đồng dự phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp tại các Biên lai số 0004299 ngày 27/9/2018 và Biên lai số 0004532 ngày 08/8/2019 của Chi cục Thi hành án quận H. Bà Ngô Thị Kim A còn

phải nộp 55.284.140 đồng (Năm lăm triệu, hai trăm tám tư nghìn, một trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự không phải chịu án phí Ly hôn phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 19/11/2019./.

Nơi nhận:

- VKSND TP H .
- TAND quận H;
- Nơi ĐKKH
- Chi cục THADS quận H;
- Đương sự.
- Lưu HS+VP.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa